

Số: **03** /2013/TT-BNV

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Điều 1. Ban Vận động thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị công nhận Ban Vận động thành lập hội thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu (Trưởng ban) Ban Vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Trường hợp cần thiết, cơ quan lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động có thể lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập hội.

2. Ban Vận động thành lập hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

b) Quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

1. Trách nhiệm báo cáo về việc tổ chức đại hội:

a) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động;

b) Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện, trong xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Sở Nội vụ nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền) và Sở quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động;

c) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã thì hội có phạm vi hoạt động trong xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ:

a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;

b) Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội;

c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

d) Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

đ) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

e) Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội;

g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).

3. Hồ sơ báo cáo đại hội bất thường:

a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

b) Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

c) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội. Trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động thì chậm nhất không quá hai mươi lăm ngày phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

5. Hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

6. Trường hợp hội tổ chức đại hội mà không báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không phê duyệt điều lệ hội đã được đại hội thông qua.

Điều 3. Xử lý vi phạm thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ theo quy định tại điều lệ hội

1. Hết thời hạn sáu tháng kể từ ngày hội nhận được văn bản yêu cầu tổ chức đại hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP mà hội không tổ chức đại hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP căn cứ vào từng trường hợp cụ thể xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp:

a) Tổ chức họp ban lãnh đạo hội để đình chỉ việc điều hành hội của người đứng đầu hội và cử thành viên trong ban lãnh đạo hội tạm thời điều hành hoạt động hội thực hiện công việc chuẩn bị tổ chức đại hội cho đến khi hội tổ chức đại hội bầu được ban lãnh đạo mới;

b) Tổ chức họp ban lãnh đạo hội cử ra ban tru bị chuẩn bị tổ chức đại hội.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày hội đã bị áp dụng các biện pháp quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 Điều này, hội phải thực hiện công việc chuẩn bị tổ chức đại hội và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư này, trường hợp hội không thực hiện thì hội bị xem xét giải thể theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Điều 4. Thành lập pháp nhân và tổ chức cơ sở thuộc hội

1. Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Hồ sơ gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực);

b) Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản sao có chứng thực).

2. Hội thành lập pháp nhân thuộc hội không đúng quy định của pháp luật thì chịu trách nhiệm trước pháp luật; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi con dấu.

3. Hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của các pháp nhân thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Hội được thành lập liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc hội) theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP phê duyệt. Tổ chức cơ sở do hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.

Điều 5. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ hội

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại và xử lý kỷ luật trong nội bộ hội do hội quyết định theo quy định của điều lệ hội và pháp luật. Ban lãnh đạo hội có trách nhiệm quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ hội phù hợp điều lệ hội, quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Hội báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, xử lý kỷ luật với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Đặt văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở và thay đổi lãnh đạo chủ chốt của hội

1. Đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh, khi đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi

đặt trụ sở của hội, phải có hồ sơ xin phép gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện. Hồ sơ xin phép đặt văn phòng đại diện được lập thành một bộ, gồm:

- a) Đơn xin phép đặt văn phòng đại diện trong đó nêu rõ sự cần thiết đặt văn phòng đại diện (bản chính);
- b) Dự kiến nội dung hoạt động của văn phòng đại diện;
- c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện;
- d) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hội và điều lệ hội.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc cho phép đặt văn phòng đại diện, hội báo cáo bằng văn bản với Bộ Nội vụ và Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động.

3. Khi thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội và thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương, lãnh đạo hội phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở phải nêu rõ địa chỉ mới nơi đặt trụ sở, điện thoại, fax (nếu có). Báo cáo thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc chức danh tương đương được gửi kèm theo nghị quyết, biên bản về việc bầu các chức danh trên và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với người công tác tại hội

1. Đối với hội có tính chất đặc thù

a) Được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, hàng năm có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế việc sử dụng biên chế theo quy định. Các hội có tính chất đặc thù không phân bổ số biên chế được giao của hội cho các pháp nhân thuộc hội và các hội thành viên.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh về thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, các hội có tính chất đặc thù lập hồ sơ điều chỉnh biên chế gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý biên chế xem xét, quyết định. Hồ sơ điều chỉnh biên chế gồm: Văn bản đề nghị, đề án điều

chính biên chế, xác định vị trí việc làm phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động, các tài liệu liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh biên chế của hội.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động, phân công làm việc tại các hội theo chỉ tiêu biên chế được giao; chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

c) Đối với những người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao, chế độ, chính sách áp dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đối với những người đã nghỉ hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật được bầu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, thì ngoài lương hưu, được hưởng thù lao từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.

2. Chế độ, chính sách đối với những người công tác tại hội không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận giữa hội với người công tác tại hội, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và theo quy định của Bộ luật Lao động, quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Người đứng đầu hội

1. Số nhiệm kỳ liên tiếp giữ chức danh người đứng đầu hội; độ tuổi, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu, lựa chọn để bầu người đứng đầu hội do điều lệ hội hoặc ban lãnh đạo hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, nếu nhân sự thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 9. Lập và lưu giữ hồ sơ tài liệu của hội

1. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị thuộc hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội và văn phòng đại diện, các tài liệu liên quan đến hoạt động của hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo hội.

2. Việc quản lý tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Đổi tên hội

1. Việc đổi tên hội do đại hội của hội xem xét, thông qua.

2. Hồ sơ đổi tên hội gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội;

b) Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội;

c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung;

d) Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm theo biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm theo), đối với người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét, quyết định cho phép hội đổi tên và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hội

1. Bộ Nội vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hội, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hội theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của hội theo quy định của pháp luật;

b) Lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hoạt động khi cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên; giải thể và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh;

c) Khen thưởng hội theo quy định của pháp luật.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước đối với hội theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện để hội tham gia các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ phù hợp với điều kiện và khả năng của hội;

b) Hướng dẫn hội hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật và của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành địa phương quản lý các hoạt động của hội thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý;

d) Khen thưởng hội theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện để hội hoạt động có hiệu quả, khuyến khích các hoạt động của hội gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tạo điều kiện để hội tham gia vào việc thực hiện xã hội hóa các hoạt động phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, thể dục thể thao ở địa phương; xem xét, tạo điều kiện để hội tham gia một số dịch vụ công mà hội có điều kiện và khả năng thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Khen thưởng hội theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hướng dẫn mẫu trình bày văn bản

1. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho các hội và công dân, tổ chức Việt Nam (Phụ lục I).

2. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về hội (Phụ lục II).

3. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của các mẫu theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các hội có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. Chức

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- ✓ - Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Nội vụ: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCPCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 732/SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX, K12;
- Lưu: VT (07b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 14 tháng 5 năm 2013

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình